

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/HS-ST

Ngày: 20-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Xuân Nghị;
- Ông Nguyễn Thế Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Quang C, sinh năm 1979; tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: xóm 1, xã N1, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Quang U, sinh năm 1948 và con bà Phạm Thị C, sinh năm 1950; gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ hai; chưa có vợ con; tiền sự: Không;

Tiền án:

+ Ngày 28/10/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố ND, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, chưa được xóa án tích;

+ Ngày 01/7/2014, Tòa án nhân dân thành phố ND, tỉnh Nam Định xử phạt xử phạt 39 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, chưa được xóa án tích.

+ Ngày 16/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố ND, tỉnh Nam Định xử phạt xử phạt 6 năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

+ Ngày 27/5/1995, bị Toà án nhân dân tỉnh NH xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Cướp tài sản của công dân”. Đã được xoá án tích.

+ Ngày 27/11/2002, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ND ra quyết định số 2886 đưa vào cơ sở giáo dục. Do có hành vi trộm cắp tài sản của gia đình và dùng dao đe dọa bố mẹ.

+ Ngày 18/02/2019, bị Công an thành phố ND xử phạt cảnh cáo về hành vi “Đánh nhau”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/9/2024 đến ngày 03/10/2024 chuyển tạm giam cho đến nay, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 25/9/2024, tổ công tác Công an huyện N, tỉnh Nam Định làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát trên tuyến đường Quốc lộ 21 thuộc địa phận xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Quá trình làm nhiệm vụ phát hiện Phạm Quang C, sinh năm 1979, trú tại xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định đang ngồi trên vỉa hè tại đường Quốc lộ 21 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong túi áo khoác bên phải của C 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng, C khai nhận đó là ma túy đá mua về để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt giữ. Tổ công tác Công an huyện N đã đưa Phạm Quang C và vật chứng về trụ sở Ủy ban nhân dân xã N lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng kí hiệu M.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Quang C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Phạm Quang C đã khai nhận hành vi của mình như sau: Khoảng 18 giờ ngày 25/9/2024, Phạm Quang C đi xe ôm từ nhà đến khu vực cầu Đ thuộc phường C, thành phố ND, tỉnh Nam Định mua 01 gói ma túy đá của một người đàn ông không quen biết, với giá 300.000 đồng. C cầm gói ma túy đá bỏ vào túi áo khoác bên phải đi bộ về nhà. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày C ngồi nghỉ trên vỉa hè tại đường Quốc lộ 21 thuộc địa phận xóm T, xã N, huyện N thì tổ công tác Công an huyện N bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Bản kết luận giám định số 1659/KL-KTHS, ngày 30/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, kết luận: Mẫu dạng tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon màu trắng được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy. Loại ma túy Methamphetamine. Khối lượng mẫu M: 0,203 gam.

Tại Bản Cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 30-10-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Phạm Quang C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Quang C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Quang C từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/9/2024. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy toàn bộ số Methamphetamine còn lại sau giám định.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Quang C phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong phần tranh luận: bị cáo và Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã phạm tội, bị cáo xin hứa sửa chữa lỗi lầm và đề nghị được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi đã thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố và thừa nhận đã phạm tội. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định cùng các tài liệu khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 25/9/2024, tại khu vực vỉa hè đường Quốc lộ 21 thuộc địa phận xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, Phạm Quang C có hành vi tàng trữ trái phép 0,203 gam Methamphetamine để sử dụng cho bản thân thì bị Tổ công tác đội hình sự, kinh tế ma túy, Công an huyện N, tỉnh Nam Định phát hiện bắt người phạm tội quả tang. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm o khoản 2 Điều

249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 249. Tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 05 năm đến 10 năm:

a)...

o) Tái phạm nguy hiểm.”

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có thể chất, tinh thần bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố ý tàng trữ để sử dụng. Do đó cần phải xử lý nghiêm khắc theo pháp luật hình sự để răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa C.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu và có 03 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích. Cụ thể: Ngày 28/10/2010, bị Toà án nhân dân thành phố ND, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, chưa được xóa án tích; Ngày 01/7/2014, Toà án nhân dân thành phố ND, tỉnh Nam Định xử phạt xử phạt 39 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, chưa được xóa án tích; Ngày 16/5/2019, Toà án nhân dân thành phố ND, tỉnh Nam Định xử phạt xử phạt 6 năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, chưa được xóa án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân là thể hiện sự coi thường pháp luật nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn; thái độ ăn năn, hối lỗi về hành vi vi phạm của bản thân. Bị cáo có bố mẹ để được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự của bị cáo. Do đó cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với số Methamphetamine còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[8] Đối với người đàn ông bán ma túy cho Phạm Quang C vào ngày 25-9-2024 tại khu vực cầu Đ do bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xác minh xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

1.1. Tuyên bố bị cáo Phạm Quang C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.2. Xử phạt Phạm Quang C 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/9/2024.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số Methamphetamine trong 01 phong bì thư niêm phong hoàn trả mẫu vật sau giám định số 1659/KL-KTHS, ngày 30/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định.

Vật chứng nêu trên được mô tả như tại biên bản bàn giao nhận vật chứng ngày 31/10/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi Cục thi hành án dân sự huyện N.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Quang C phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện;
- THA dân sự;
- THA hình sự;
- UBND xã NT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

